

DỰ THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Về việc mua bán vì chống lò năm 2023

Số:/HD-KHVT

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005;
Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm tại Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A):

Địa chỉ:

Điện thoại: FAX:

Tài khoản số:

Mở tại Ngân hàng

Mã số thuế:

Do ông: Chức vụ:

BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Địa chỉ: 486 Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh;

Điện thoại: 0203.3716.223; FAX: 0203 3862034;

Tài khoản số: 111000010620;

Mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Cẩm Phả;

Tài khoản số 44110000246400;

Mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Cẩm Phả;

Mã số thuế: 5700495999;

Do ông: **Phạm Minh Tuấn** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Hàng hóa

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán vì chống lò bằng thép theo điều kiện kỹ thuật bản vẽ của Bên A như Bảng kê chi tiết kèm theo với số lượng, chủng loại vì chống và giá trị Hợp đồng tạm tính (đã bao gồm thuế GTGT): đồng (*Bảng chữ:*).

- Số lượng cấp theo đơn hàng cụ thể hằng tháng của Bên A (bằng văn bản, email,...vv). Số lượng theo Hợp đồng là số lượng tạm tính, số lượng thực hiện

được căn cứ theo Biên bản giao nhận thực tế. Bên A có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm số lượng từng chủng loại cho phù hợp nhu cầu thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện, nhưng tổng số lượng thay đổi không quá $\pm 10\%$ số lượng đăng ký sử dụng hằng tháng.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật

- Vì chống lò chế tạo theo từng chủng loại và tiết diện vì chống theo bản vẽ thiết kế của Bên A hoặc bản vẽ mẫu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) được hai bên thống nhất;

- Chất lượng hàng hóa: Mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của Bên A. Vì chống sau khi lắp ráp không bị cong vênh, mối cắt phải phẳng, các mối hàn phải đảm bảo chắc chắn;

- Bảo hành hàng hóa: 03 tháng kể từ ngày Bên A nhận hàng.

Điều 3. Thời gian và địa điểm giao hàng

3.1. Thời gian giao hàng: Từ ngày..... đến ngày; Bên B giao hàng cho Bên A tất cả các ngày trong tuần theo nhu cầu phục vụ sản xuất của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo trước số lượng, địa điểm giao hàng cho Bên B để Bên B chuẩn bị hàng.

3.2. Địa điểm giao hàng

- Trường hợp Bên A tự vận chuyển: Hàng hóa được giao nhận tại Bên B trên phương tiện vận chuyển của Bên A. Chi phí vận chuyển do Bên A đảm nhận, bốc xếp lên xuống mỗi bên chịu một đầu;

- Trường hợp Bên A có nhu cầu thuê Bên B vận chuyển: Hàng hóa được giao tại Bên A trên phương tiện vận chuyển của Bên B. Chi phí vận chuyển theo báo giá của Bên B được Bên A thống nhất tại từng thời điểm.

Điều 4. Loại Hợp đồng, đơn giá và phương thức thanh toán

4.1. Loại Hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

4.2. Đơn giá

4.2.1. Đơn giá tạm tính để ký Hợp đồng

Áp dụng theo đơn giá chế tạo thép cán và thép vì chống lò tháng năm của Bên B.

4.2.2. Đơn giá thực hiện hằng tháng

a. Từ ngày 01 đến 05 hằng tháng, trên cơ sở hướng dẫn số 1592/TKV-KH ngày 03/4/2019 của TKV về việc hướng dẫn phương pháp xác định đơn giá chế tạo vì thép chống lò, Bên B xây dựng đơn giá vì chống lò tạm tính cho Bên A như sau:

- Đơn giá phi thép lò: Theo đơn giá Bên B ký kết với các nhà cung cấp của Bên B;

- Đơn giá gia công (bao gồm chi phí cán thép + uốn vì chống lò), trong đó:

+ Đơn giá gia công cán thép là chi phí tạm tính theo giá tháng trước liền kề;

+ Đơn giá gia công uốn vì chống lò: Áp dụng theo văn bản số 1592/TKV-KH ngày 03/4/2019 của TKV. Đối với đơn giá gia công uốn vì chống lò những loại vì lò không có trong tiết diện mẫu theo Bảng hướng dẫn đơn giá của TKV thì áp dụng đơn giá của loại vì gần với tiết diện mẫu. Những bộ vì ngã 3, vì đặc biệt và vì đơn chiếc áp dụng đơn giá theo mức cao nhất trong Bảng hướng dẫn đơn giá tiêu chuẩn cùng loại vật liệu của TKV.

b. Kết thúc tháng, Bên B xây dựng đơn giá vì chống lò và thông báo cho Bên A giá chính thức cho tháng giao nhận hàng hóa để hai bên làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán và Bên B phát hành hóa đơn giá trị chênh lệch (tăng, giảm) cho Bên A.

(Trường hợp TKV có hướng dẫn mới, hai bên phối hợp thực hiện các nội dung theo hướng dẫn).

c. Giá vận chuyển các loại vì chống lò (nếu có): Theo báo giá của Bên B được Bên A thống nhất tại từng thời điểm;

d. Đơn giá thanh toán bao gồm giá thép, gia công và chi phí vận chuyển (nếu có).

4.3. Phương thức thanh toán

Hàng tuần trong tháng, hai bên đối chiếu số lượng thực hiện để viết hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.

Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ qua TKV.

4.3.1. Tiền thép lò

Từ ngày 15 đến 20 hằng tháng, căn cứ vào kế hoạch hằng tháng của Bên A và giá phối thép, Bên A thanh toán và trả trước cho Bên B số tiền phối thép tương ứng với số lượng vì chống lò theo nhu cầu đăng ký sử dụng của Bên A và tiền phối thép còn lại của tháng trước.

4.3.2. Tiền gia công (cán thép + uốn vì lò) và tiền vận chuyển (nếu có)

Bên A thanh toán cho Bên B ngay sau khi có Biên bản giao nhận vì chống lò và bộ chứng từ hợp lệ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên

5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Từ ngày 25 đến 30 của tháng cuối quý thực hiện, Bên A cung cấp cho Bên B kế hoạch đặt hàng cho quý tiếp theo. Đồng thời, có trách nhiệm gửi nhu cầu đặt hàng cụ thể của từng tháng vào các ngày từ 25 đến 30 cuối tháng trước và cấp mẫu hiện vật hoặc bản vẽ thiết kế kèm theo cho Bên B (đối với chủng loại vì chống lò không có trong bản vẽ mẫu của TKV). Trong trường hợp đột xuất, sự cố, Bên A thông báo kịp thời cho Bên B để chuẩn bị sản xuất bằng điện thoại hoặc FAX, sau đó phải trả phiếu đặt hàng gốc để hai bên làm cơ sở thanh toán;

- Trước khi Bên A có nhu cầu nhận hàng phải thông báo cho Bên B trước 01 đến 02 ngày để Bên B chuẩn bị hàng và hoàn tất các thủ tục liên quan;

- Trường hợp Bên A có nhu cầu thuê Bên B vận chuyển giao hàng, Bên A có trách nhiệm bố trí người nghiệm thu hàng khi Bên B giao hàng. Nhận và bốc dỡ hàng xuống khi Bên B giao hàng, tạo mọi điều kiện cho Bên B được giao hàng hóa một cách thuận lợi trên tinh thần hợp tác để giải phóng nhanh phương tiện cho Bên B;

- Phối hợp với Bên B lập biên bản giao nhận vì chống lò để làm cơ sở thanh quyết toán hằng tháng;

- Đăng ký phương tiện và người đại diện nhận hàng cho Bên B trước khi nhận hàng nếu Bên A vận chuyển hàng hóa. Thực hiện nghiêm các nội quy, quy định của Bên B khi đến làm việc;

- Bên A phải tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch COVID-19; chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu gây ra hậu quả do việc không tuân thủ các quy định an toàn về phòng, chống dịch COVID-19;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chế tạo và gia công vì chống lò theo đúng nội dung như Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Bên A;

- Bên B có trách nhiệm cấp đúng đủ khối lượng, chủng loại hàng hóa theo nhu cầu Bên A đã đăng ký, trường hợp có phát sinh ngoài nhu cầu đăng ký về số lượng chủng loại, Bên B sẽ cố gắng thu xếp trong khả năng, nếu không đáp ứng được không phải do lỗi của Bên B;

- Hằng tháng, Bên B cung cấp cho Bên A: Chứng thư giám định của đơn vị có chức năng tại Việt Nam được cấp phép, Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng hoặc Phiếu chất lượng xuất xưởng theo yêu cầu của Bên A cho khối lượng hàng hóa giao nhận trong tháng;

- Phát hành và giao cho Bên A hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ Tài chính;

- Đăng ký phương tiện và người đại diện giao hàng cho Bên A trước khi giao hàng nếu Bên B vận chuyển hàng hóa. Thực hiện nghiêm các nội quy, quy định của Bên A khi đến làm việc;

- Bên B phải tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch COVID-19; chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu gây ra hậu quả do việc không tuân thủ các quy định an toàn về phòng, chống dịch COVID-19;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.

Điều 6. Sự kiện bất khả kháng

6.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, làm bên bị

ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

6.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại Khoản 6.1 Điều này:

- a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;
- b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;
- c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;
- d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;
- e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa nhà máy;
- f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6.3. Trình tự xử lý, trách nhiệm của các bên trong trường hợp bất khả kháng.

Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày gặp bất khả kháng, bên gặp bất khả kháng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản về trường hợp bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục hoàn thành trách nhiệm của mình được quy định trong Hợp đồng sau khi trường hợp bất khả kháng chấm dứt. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra bất khả kháng, nếu một trong các bên không tiếp tục thực hiện Hợp đồng thì bên kia sẽ có quyền huỷ Hợp đồng.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm a Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng đó.

- b) Bên B bị phá sản, giải thể;

Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo Điểm b Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

8.1. Các vi phạm của mỗi bên được giải quyết theo nguyên tắc: Bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005.

8.2. Các tranh chấp phát sinh giữa hai bên được giải quyết trước hết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết theo luật định, bên có lỗi sẽ chịu mọi chi phí.

Điều 9. Cam kết chung

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Các điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng thì thống nhất thực hiện theo Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005.

9.2. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ sự sửa đổi nào, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và thống nhất bằng văn bản mới có hiệu lực thi hành. Bên nào tự ý vi phạm Hợp đồng thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

9.3. Bảo mật thông tin

Hai bên cam kết không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bên thứ ba nếu không được sự đồng ý của hai bên, trừ trường hợp theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10.2. Hợp đồng hết hiệu lực: Sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ của Hợp đồng, nếu không có vướng mắc gì thì Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng lập thành 06 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

BẢNG KÊ CHI TIẾT

Kèm theo Hợp đồng số:/HD-KHVT ngày tháng năm

TT	Tên, quy cách vật tư hàng hóa	ĐVT	Số lượng tạm tính	Khối lượng tính (kg)	Khối lượng thép SVP (kg)	Khối lượng phối thép cán (kg)	Chi phí phối thép		Chi phí gia công		Cộng chi phí (đồng/ĐVT)	Tổng giá trị			
							Đơn giá (đồng/Kg)	Thành tiền (đồng/ĐVT)	Cán thép (đồng/ĐVT)	Vẽ chống (đồng/ĐVT)		Phối thép (đồng)	Chi phí gia công (đồng)	Cộng (đồng)	
															10
1	2	3	4	5	6=5x1,011	7=6x1,071	8	9=7x8	10	11	12=9+10+11	13=4x9	14=4x(10+11)	15=13+14	
	<u>Vẽ chống lò thép - SVP17</u>														
1	Sđ=8,5m2	vi													
	vi													
	vi													
	vi													
	<u>Vẽ chống lò thép - SVP22</u>														
1	Sđ=8,5m2	vi													
	vi													
	vi													
	vi													
	<u>Vẽ chống lò thép - SVP27</u>														
1	Sđ=8,3m2	vi													
	vi													
	vi													
	vi													
	<u>Vẽ chống lò thép - SVP33</u>														
1	Sđ=16m2	vi													
	vi													
	vi													
	Cộng														
	Thuế GTGT 10%														
	Cộng														